TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2023/DS-ST
Ngày: 29 - 9 -2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 04 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vuong L, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A, Tổ B, Khu phố 5, phường CN, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Le Thi Ngoc T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số E, đường F, Tổ 20, Khu phố 3, phường CN, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyen Vuong Phuong A, sinh năm 1995; địa chỉ: Số A, Tổ B, Khu phố 5, phường CN, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.2 Ông Nguyen Vuong Quoc Th, sinh năm 2001; địa chỉ: Số A, Tổ B, Khu phố 5, phường CN, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vuong L trình bày:***

Giữa bà Vuong L và bà Le Thi Ngoc T có mối quan hệ quen biết, do bà T khó khăn nên bà T đã vay tiền của bà L nhiều lần, cụ thể như sau:

Trong năm 2019, (không nhớ thời gian cụ thể) bà T đã vay của L số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và bà T cũng không trả lãi cho số tiền này.

Số tiền này bà T đã trả lại cho bà L vào ngày 19/12/2020 qua số tài khoản của con gái bà L là Nguyen Vuong Phuong A, số tiền này do bà T đã trả xong nên bà L không tranh chấp và không yêu cầu bà T trả.

Hiện nay bà T còn nợ bà L số tiền gốc là 290.000.000, gồm:

- Ngày 01/9/2020 vay 10.000.000 đồng
- Ngày 16/11/2020 vay 40.000.000 đồng
- Ngày 05/01/2021 vay 50.000.000 đồng
- Ngày 09/01/2021 vay 40.000.000 đồng
- Ngày 01/02/2021 vay 20.000.000 đồng
- Ngày 11/02/2021 vay 30.000.000 đồng
- Ngày 16/3/2021 vay 50.000.000 đồng
- Ngày 27/4/2021 vay 50.000.000 đồng

Khi vay không thỏa thuận lãi suất, bà T có viết giấy nhận nợ và có thỏa thuận thời gian trả nợ. Tuy nhiên, do số tiền trên bà L cũng vay mượn của người khác để cho bà T vay nên bà T có hỗ trợ trả lãi cho bà L được 02 lần qua số tài khoản của con trai bà L là Nguyen Vuong Quoc Th vào ngày 11/3/2021 là 5.000.000 đồng, ngày 15/7/2021 là 11.000.000 đồng. Từ khi vay tiền đến nay bà T chỉ trả được 02 lần lãi suất như trên với số tiền tổng cộng là 16.000.000 đồng. Sau đó bà T không trả lãi cũng không trả nợ gốc.

Nay, bà L yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng và lãi suất là 10%/năm tương đương 0.83%/tháng tính từ ngày 01/8/2021 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đối với số tiền lãi suất mà bà T đã trả cho bà L vào gày 11/3/2021 là 5.000.000 đồng, ngày 15/7/2021 là 11.000.000 đồng. Tổng cộng 16.000.000 đồng thì đây là số tiền lãi mà bà T đã trả trong thời gian vay và số tiền lãi này không vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án không khấu trừ khoản tiền lãi suất này vào khoản tiền lãi mà bà L yêu cầu bà T phải trả.

**** Bị đơn bà Le Thi Ngoc T trình bày:***

Giữa Le Thi Ngoc T và bà Vuong L (hay còn gọi là Chị 10) có mối quan hệ quen biết. Trong khoảng thời gian năm 2019, lần đầu tiên bà Vuong L có cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng, khi đến hạn bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đúng hạn cho bà L nên sau đó bà L tiếp tục cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất là 10%/tháng, hàng tháng bà T trả lãi đầy đủ cho bà L, đến ngày 19/12/2020 bà T đã trả lại cho bà L số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng qua tài khoản của con gái bà L là Nguyen Vuong Phuong A (cùng địa chỉ với bà L), sau đó khoản trong vòng 01 tuần bà L tiếp tục cho bà T vay lại số tiền 100.000.000 đồng nhưng thực chất bà T chỉ nhận 90.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng phải trả lãi cho bà L do còn nợ lãi của số tiền 100.000.000 đồng vay trước. Hàng tháng, bà T đều trả lãi đầy đủ cho bà L (phần lớn là trả lãi bằng tiền mặt trực tiếp cho bà L, cũng có lúc trả lãi qua tài khoản của con bà L tên Nguyen Vuong Quoc Th (cùng địa chỉ bà L). Việc vay mượn này kéo dài đến năm 2021 do tình hình dịch bệnh nên việc kinh doanh của bà T gặp nhiều khó khăn, bà T không đủ khả năng thanh toán lãi suất nên cứ tầm 02-03 tháng là bà L yêu cầu bà T qua nhà bà L viết giấy nhận nợ lãi tính vào nợ gốc, có lúc bà T khó khăn cần tiền thì bà L cho bà T vay 10 triệu – 20 triệu đồng và yêu cầu bà T phải viết giấy nhận nợ 40 triệu - 50 triệu đồng. Tổng cộng bà T chỉ vay của bà L số tiền nợ gốc là

190.000.000 đồng. Số tiền 290.000.000 đồng mà bà L khởi kiện theo các giấy nợ mà bà L cung cấp cho Tòa án là gồm cả tiền gốc và lãi suất cộng dồn do bà L yêu cầu bà T phải viết giấy nhận nợ khi bà T không có tiền trả lãi cho bà L.

Nay, đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà T sẽ suy nghĩ lại số tiền sẽ trả cho bà L vì bà T đã trả lãi cho bà L rất nhiều.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyen Vuong Phuong A và Nguyen Vuong Quoc Th trình bày:***

Qúa trình giải quyết vụ án, thông qua mẹ chúng tôi thì chúng tôi được biết thông tin bà Le Thi Ngoc T cung cấp chứng cứ là bà T có chuyển tiền vào tài khoản của chúng tôi để trả tiền cho mẹ tôi là bà Vuong L thì chúng tôi có ý kiến như sau: Chúng tôi biết giữa mẹ chúng tôi bà Vuong L và bà Le Thi Ngoc T có quan hệ vay mượn tiền (mẹ tôi cho bà T vay tiền). Trong thời gian vay tiền thì bà T có chuyển tiền vào tài khoản của chúng tôi để trả tiền cho mẹ chúng tôi, cụ thể như sau:

- Ngày 19/12/2020 chuyển qua số tài khoản của Nguyen Vuong Phuong A (31510001107184- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 11/3/2021 chuyển qua số tài khoản của Nguyen Vuong Quoc Th (050107892432- Ngân hàng Sài gòn Thương Tín) số tiền 5.000.000 đồng.

- Ngày 15/7/2021 chuyển qua số tài khoản của Nguyen Vuong Quoc Th (050107892432- Ngân hàng Sài gòn Thương Tín) số tiền 11.000.000 đồng.

Chúng tôi không biết là mẹ chúng tôi cho bà T vay bao nhiêu tiền, nhưng tất cả số tiền mà bà T đã chuyển vào tài khoản nêu trên là để trả cho mẹ chúng tôi là bà Vuong L. Mẹ chúng tôi nói là bà T trả lãi.

Giữa chúng tôi Phuong A, Quoc Th và bà T không có mối quan hệ vay mượn tiền nào cả. Chúng tôi không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gì đến vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa mẹ chúng tôi bà Vuong L và bà Le Thi Ngoc T. Vì vậy, chúng tôi từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, đề nghị Tòa án không triệu tập chúng tôi tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn: Bà Vuong L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Le Thi Ngoc T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyen Vuong Phuong A, ông Nguyen Vuong Quoc Th vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ đầy đủ, đúng trình tự theo quy định. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 48, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 02 tháng 03 năm 2023, bà Vuong L có đơn khởi kiện yêu cầu bà Le Thi Ngoc T phải trả số tiền gốc theo các giấy nhận tiền là 290.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính từ ngày 01/8/2021 đến khi xét xử sơ thẩm nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Vuong L khởi kiện về việc tranh chấp chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Le Thi Ngoc T, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Le Thi Ngoc T đang cư trú tại phường CN, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất của các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về số tiền nợ gốc: Nguyên đơn bà Vuong L yêu cầu bị đơn bà Le Thi Ngoc T trả số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng. Bị đơn bà Le Thi Ngoc T xác định chỉ nợ bà L số tiền nợ gốc là 190.000.000 đồng.

[2.1.1] Xét thấy, theo các giấy biên nhận, giấy mượn tiền mà bà L cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Ngày 01/9/2020 vay 10.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả; Ngày 16/11/2020 vay 40.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 02 tuần; Ngày 05/01/2021 vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 06 tháng; Ngày 09/01/2021 vay 40.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 06 tháng; Ngày 01/02/2021 vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 03 ngày; Ngày 11/02/2021 vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng; Ngày 16/3/2021 vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 03 tháng; Ngày 27/4/2021 vay 50.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 01 tháng. Như vậy, tổng cộng số tiền nợ gốc theo các giấy nợ mà bà L cung cấp là 290.000.000 đồng.

[2.1.2] Quá trình giải quyết vụ án bà Le Thi Ngoc T đã thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các giấy biên nhận, giấy mượn tiền theo các ngày nêu trên là của bà T nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm thực hiện các giao dịch giao nhận tiền các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung các giấy biên nhận, giấy mượn tiền không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[2.1.3] Nội dung các giấy biên nhận, giấy mượn tiền không có thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận thời hạn vay cụ thể đối với từng lần vay, đến hạn thanh toán nhưng bà Le Thi Ngoc T không thanh toán khoản tiền vay như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà L khởi kiện bà T. Bà T cho rằng số tiền 290.000.000 đồng mà bà L khởi kiện theo các giấy nợ do bà L cung cấp cho Tòa án là gồm cả tiền gốc là 190.000.000 đồng và số tiền 100.000.000 đồng là lãi suất cộng dồn do bà L yêu cầu bà T phải viết giấy nhận nợ khi bà T không có tiền trả lãi cho bà L. Tuy nhiên, lời trình bày của bà T không được bà L thừa nhận và bà T cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập các đương sự để tiến hành đối chất làm rõ nội dung, tình tiết của vụ án nhưng bà T vắng mặt.

[2.1.4] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà T đã thanh toán cho bà L một phần hay toàn bộ số tiền đã vay 290.000.000 đồng theo các biên nhận, giấy mượn tiền nêu trên. Do đó, bà Vuong L yêu cầu bà Le Thi Ngoc T phải trả số tiền vay 290.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về lãi suất: Mặc dù các bên không thỏa thận lãi suất nhưng nay bà Vuong L yêu cầu bà Le Thi Ngoc T phải trả lãi đối với khoản tiền vay 290.000.000 đồng theo mức lãi suất 0.83% tính từ ngày 01/08/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2023) là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015 nên được chấp nhận. Cụ thể: Bà Le Thi Ngoc T phải trả lãi suất tính từ ngày 01/08/2021 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử ngày 12/9/2023 là 24 tháng 12 ngày theo mức lãi suất 0.83% đối với số tiền 290.000.000 đồng x 0.83% x 25 tháng 28 ngày = 62.421.533 đồng.

Như vậy tổng số tiền bà Le Thi Ngoc T phải trả cho bà Vuong L là số tiền 352.421.533 đồng, trong đó nợ gốc: 290.000.000 đồng; lãi suất: 62.421.533 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vuong L đối với bị đơn bà Le Thi Ngoc T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận là 352.421.533 đồng, tương đương án phí 17.621.076 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vuong L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Le Thi Ngoc T.

Buộc bà Le Thi Ngoc T có trách nhiệm trả cho bà Vuong L số tiền 352.421.533 đồng, trong đó nợ gốc: 290.000.000 đồng; lãi suất: 62.421.533 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Le Thi Ngoc T phải nộp 17.621.076đ (mười bảy triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng).

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại cho bà Vuong L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.236.000đ (mười triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002729 ngày 10/4/2023.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nga